TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2024/HNGĐ-ST Ngày 16– 01 – 2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thái Quân

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 346/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Huỳnh Mỹ P, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: anh Lê Văn Vũ L, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(chị P có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Cà hai tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận chung sống với nhau như vợ chồng năm 2008, có đăng ký kết hôn UBND xã P, huyện P. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống với gia đình bên chồng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân cha mẹ chồng thường xuyên đuổi không cho vợ chồng ở chung. Chị P cho anh L biết, tuy nhiên L cho rằng kiếm chuyện với cha mẹ nên đánh đập P, từ đó vợ chồng thường xuyên tranh cãi, vì thương con nên chịu đựng nhiều lần, sau đó chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống năm 2014 từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, yêu

cầu ly hôn Lê Văn Vũ L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 31/5/2012 và Lê Thị Mỹ C, sinh ngày 28/6/2009. Nay ly hôn chị P yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị P ly hôn anh L. Con chung tiếp tục giao chị P nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị P và anh L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 27/02/2014 do Ủy ban nhân dân xã P cấp là hôn nhân hợp pháp. Chị cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do rạn nứt tình cảm, không liên lạc với nhau và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T1 yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: con chung Lê Thanh T và Lê Thị Mỹ C hiện đang sống với chị P, đồng thời hai cháu có nguyện vọng sống chung chị P để đảm bảo môi trường phát triển của 2 cháu giao con chung cháu T và C cho chị P nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị P trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Mỹ P

1. Về hôn nhân gia đình: chị Huỳnh Mỹ P được ly hôn với anh Lê Văn Vũ L.

2. Về con chung: Giao con chung tên chung Lê Thanh T sinh ngày 31/5/2012 và Lê Thị Mỹ C sinh ngày 28/6/2009 cho chị Huỳnh Mỹ P được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ: Ghi nhận chị P trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006524 ngày 04 tháng 10năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh L1 không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Long
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc